BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2020/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội khoá XIV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Chương I
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước

1. Thực hiện cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

2. Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, năm 2021 tiếp tục ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định năm 2017; ổn định số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có) từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo mức đã được Quốc hội quyết định năm 2020; bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng được Thủ tướng Chính phủ giao cho từng địa phương tại Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2020.

3. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã quyết định đối với năm ngân sách trong thời kỳ ổn định. Đối với năm 2021, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm 2020. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước.

Đồng thời, ngân sách cấp tỉnh bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới để thực hiện tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Tiếp tục thực hiện giữ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia, cơ chế điều tiết một số khoản thu đặc thù như sau:

a) Thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu: Năm 2021 tiếp tục ổn định tỷ lệ (%) thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu như đối với năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020. Theo đó: 37,2% số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu là khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; 62,8% số thu thuế bảo vệ môi trường điều tiết 100% số thu về ngân sách trung ương. Cơ quan thuế phối hợp với Kho bạc Nhà nước hướng dẫn người nộp thuế kê khai, nộp thuế đúng mục lục ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách đối với số thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu;

b) Tiếp tục thực hiện điều tiết ngân sách trung ương 100% số thu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xăng, dầu của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn;

c) Tiếp tục thực hiện điều tiết tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước như phân cấp quy định tại Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV (đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp, thực hiện phân chia 70% số thu cho ngân sách trung ương, 30% số thu cho ngân sách địa phương; đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thực hiện phân chia 100% số thu cho ngân sách địa phương);

d) Thực hiện thu cân đối ngân sách nhà nước và hạch toán thu ngân sách trung ương đối với toàn bộ phần lãi dầu, khí nước chủ nhà và lợi nhuận được chia từ Liên doanh dầu khí Việt - Nga (Vietsovpetro);

đ) Tiếp tục thực hiện điều tiết 100% về ngân sách trung ương số thu từ xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan quản lý thị trường;

e) Nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô, phí bảo đảm hàng hải (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) tiếp tục nộp ngân sách trung ương sử dụng để duy tu, bảo trì đường bộ và đảm bảo an toàn hàng hải;

Tiếp tục thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ;

g) Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất trong dự toán ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội;

h) Tiếp tục sử dụng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong dự toán ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển. Trong đó, các tỉnh miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên bố trí tối thiểu 60%, các tỉnh Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại các địa phương bố trí ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách nhà nước Thủ tướng Chính phủ giao. Ngoài việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật cho các đơn vị trực thuộc (nếu có).

2. Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2020; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tích cực đôn đốc thu hồi nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3. Trong phạm vi số thu phí, số phí nộp ngân sách đã giao, số phí để lại chi theo quy định Bộ Tài chính giao, các bộ, cơ quan trung ương thực hiện giao dự toán cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc. Trong phạm vi dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại do Bộ Tài chính giao, các bộ, cơ quan trung ương chủ động quản lý, sử dụng cho các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và cơ chế tài chính đặc thù theo quy định của cấp có thẩm quyền (nếu có) đối với từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, gửi Bộ Tài chính kiểm tra cùng với phương án phân bổ ngân sách theo quy định.

Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù bằng các nguồn thu nghiệp vụ, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền, các bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn lập kế hoạch thu, chi năm 2021 theo cơ chế hiện hành, yêu cầu tiết kiệm chi tối thiểu 15% so với năm 2020.

Điều 3. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển:

a) Căn cứ tổng mức vốn và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi kết quả phân bổ về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ, đồng gửi Bộ Tài chính để kiểm soát việc giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Ngoài việc thực hiện phân bổ, bố trí vốn và giao dự toán chi đầu tư phát triển như trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chú ý một số nội dung sau:

- Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giao, các địa phương bố trí dành nguồn tương ứng số bội thu ngân sách cấp tỉnh (nếu có) để trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương

đến hạn phải trả trong năm 2021 (kể cả nợ quá hạn vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam, nếu có) và dành thêm nguồn để trả nợ lãi các khoản vay đến hạn trong năm 2021 (nếu dự toán chi trả nợ lãi đã được giao còn thiếu); phần còn lại mới phân bổ vốn cho các công trình, dự án, trong đó bố trí, cân đối đủ vốn cho các dự án, chương trình được ngân sách trung ương hỗ trợ một phần để thực hiện các mục tiêu theo quy định.

- Các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài đã tính trong tổng mức dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương năm 2021 Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính giao tổng mức vay. Căn cứ tổng mức vay lại vốn nước ngoài được giao, dự kiến khả năng giải ngân theo tiến độ thực tế của Dự án và phù hợp với quy định của thỏa thuận vay vốn đã ký kết, địa phương phân bổ và giao dự toán cho từng chương trình, dự án, đồng thời chỉ thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp các dự án đã được giao kế hoạch vốn giải ngân thấp hơn dự toán được giao, địa phương được phép điều chuyển vốn vay cho dự án vay mới phát sinh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng chưa có trong danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm nhưng phải đảm bảo tổng số vốn vay nước ngoài của tất cả các chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay được giao; đồng thời số vốn vay của từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư. Các địa phương gửi danh mục dự án được phân bổ từ nguồn địa phương vay lại về Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

- Việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (nếu có) đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, khả năng vay và giới hạn mức vay được giao.

- Bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư tái tạo rừng từ nguồn thu thuế tài nguyên đối với gỗ rừng tự nhiên phát sinh hàng năm theo quy định của pháp luật.

- Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho các dự án ODA do địa phương quản lý theo quy định.

- Bố trí dự toán chi bồi thường giải phóng mặt bằng tương ứng với số tiền nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên:

a) Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính hướng dẫn, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Ngoài ra, đối với các Bộ, cơ quan trung ương có các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có nguồn thu tăng theo lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công, tăng giá học phí theo quy định của pháp luật tiết kiệm để giảm mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước bình quân thêm 5% so với dự toán năm 2020, dành nguồn đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật.

Kinh phí đánh giá quy hoạch tiếp tục được bố trí dự toán kinh phí thường xuyên theo quy định của Luật Quy hoạch. Đồng thời, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, điều chỉnh giá, phí,... theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

Ngoài các nội dung nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương bố trí ngân sách đảm bảo thực hiện các nội dung chi sau:

- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm tương ứng với số thu tiền xử

phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm được hưởng theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở; Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021".

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

- Đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ: Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ đã giao, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc năm 2021, nhiệm vụ chuyển tiếp, đảm bảo phù hợp với tiến độ, khả năng giải ngân kinh phí, phần kinh phí còn lại mới phân bổ cho các nhiệm vụ mới năm 2021, đã có quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền. Việc phân bổ chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ dự toán Bộ Tài chính hướng dẫn, chế độ chính sách, khối lượng nhiệm vụ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi đã đảm bảo các nhiệm vụ chi sự nghiệp theo quy định, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các nhiệm vụ có tính chất đầu tư đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

b) Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao năm 2021, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện các nội dung sau:

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo Thông báo số 70/TB-VPCP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện công tác trợ giúp đối với người cao tuổi, người khuyết tật. Đảm bảo bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động, các chương trình, đề án về thực hiện quyền trẻ em đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 và công tác dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định tại Luật trợ giúp pháp lý, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý và Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Thực hiện hoạt động của các cơ quan nhà nước của địa phương được giao nhiệm vụ thu lệ phí. Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước thì được để lại tiền phí thu theo quy định để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

- Thực hiện Luật Công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; bố trí nguồn ngân sách địa phương cùng với huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Bố trí kinh phí thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, ban quản lý rừng và tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các huyện biên giới theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương - nếu có);

- Thực hiện chi trả chế độ đối với giáo viên mầm non được Bộ Nội vụ giao bổ sung biên chế theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 9028-CV/VPTW ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Thực hiện chi trả tiền thưởng kèm theo huy hiệu Đảng (trong đó có huy hiệu 45 năm tuổi Đảng).

- Thực hiện chế độ đối với lực lượng dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14.

3. Ngoài các nội dung nêu trên, khi phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2021, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chú ý một số nội dung sau:

a) Bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ Trung ương ban hành đến thời điểm giao dự toán ngân sách năm 2021. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021: đối với các địa phương có nguồn cải cách tiền lương dự kiến hết năm 2021 còn dư (sau khi đã dành nguồn để thực hiện tiền lương năm 2021 theo chế độ quy định), thực hiện phân bổ, giao kinh phí chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành từ nguồn này, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), nguồn ngân sách địa phương phải đảm

bảo theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2017 - 2020;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ tương ứng 70% số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông phần ngân sách trung ương được hưởng phát sinh trên địa bàn từng địa phương trên cơ sở số thu năm 2019, nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, ưu tiên cho lực lượng công an, thanh tra ngành giao thông vận tải và xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

c) Các địa phương chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tương ứng 35% số thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm của địa phương theo phân cấp;

d) Ưu tiên bố trí kinh phí triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 thuộc trách nhiệm bố trí vốn của ngân sách địa phương. Dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng; ưu tiên bố trí kinh phí cho y tế cơ sở, bệnh viện vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các chuyên khoa Phong, Lao, Tâm thần; bảo đảm kinh phí triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản tại tuyến xã;

đ) Kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội do ngân sách trung ương bảo đảm. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do ngân sách địa phương bảo đảm, trong đó:

- Đối với các địa phương thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí hoạt động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh kể từ ngày cơ quan này bắt đầu hoạt động (từ 01 tháng 01 năm 2021);

- Đối với các địa phương không thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí hoạt động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh kể từ ngày cơ quan này bắt đầu hoạt động (chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2021). Trước thời điểm thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, kinh phí hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội do ngân sách trung ương đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 1097/2015/UBTVQH13 ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

e) Chủ động sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp năm 2020 chuyển sang và phấn đấu tăng thu năm 2021 để dành nguồn bảo đảm các nhiệm vụ chi tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo quy định.

Trong điều hành tài chính ngân sách nhà nước năm 2021, trường hợp địa phương có nguồn thu cân đối ngân sách địa phương giảm lớn so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao do nguyên nhân khách quan phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối theo dự toán đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Phân bổ, giao dự toán chi dự trữ quốc gia:

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia, Bộ trưởng Bộ Tài chính thông báo dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia, đảm bảo khớp đúng với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trên cơ sở đó, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia phân bổ dự toán ngân sách nhà nước và giao kế hoạch dự trữ quốc gia cho các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc, đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao và chi tiết từng

danh mục mặt hàng được phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng Cục Dự trữ Nhà nước) để kiểm tra, theo dõi. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia điều chỉnh lại đối với trường hợp phân bổ không đúng danh mục, tổng mức, chính sách, chế độ quy định và không chi tiết theo từng nội dung chi về dự trữ quốc gia đã được giao.

5. Phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:

Căn cứ dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án Thủ tướng Chính phủ giao, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo nguyên tắc triệt để tiết kiệm, tập trung phân bổ kinh phí cho các mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

Cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương và huy động hợp lý các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật để thực hiện.

6. Phân bổ và giao dự toán chi từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại của nước ngoài:

a) Trong phạm vi dự toán từng lĩnh vực chi đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ thủ tục, điều kiện, phù hợp với tiến độ thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển) tổng hợp báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện, đồng gửi Bộ Tài chính kiểm soát việc giải ngân; Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp, theo dõi và kiểm soát giải ngân;

b) Các bộ, cơ quan trung ương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (tên dự án, nhà tài trợ, theo từng nguồn vốn - chi tiết vốn vay ODA, vốn viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ nước ngoài độc lập, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư)

và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán và từng lĩnh vực chi đã được Thủ tướng Chính phủ giao;

c) Các địa phương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (tên dự án, nhà tài trợ, theo từng nguồn vốn - chi tiết vốn vay ODA, vốn viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ nước ngoài độc lập, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán chi đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

7. Vay và trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương cấp tỉnh:

a) Các địa phương chỉ được phép vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc trong hạn mức Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao. Đối với các địa phương dự toán có vay để trả nợ gốc, sau khi đã bố trí chi trả nợ gốc theo quy định tại điểm c khoản này, địa phương được phép vay trong hạn mức vay đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao (không phân biệt vay trả nợ gốc hay vay bù đắp bội chi), đồng thời việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ khoản vay này phù hợp với tiến độ và mức vay cho phép;

b) Bố trí từ nguồn bội thu để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ gốc đến hạn;

c) Đối với các địa phương có dự toán vay để trả nợ gốc: Để bảo đảm chủ động nguồn trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn, khi phân bổ vốn chi đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để bố trí chi trả nợ gốc đến hạn và bù lại nguồn cho chi đầu tư phát triển khi thực tế thực hiện được khoản vay theo kế hoạch; chỉ giải ngân thanh toán số vốn đầu tư này sau khi đã thực hiện được khoản vay. Trường hợp không vay được theo kế hoạch hoặc chỉ vay được một phần theo kế hoạch, thì phải bố trí giảm nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương (tăng mức bội thu tương ứng) để trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn.

8. Bố trí dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật ngân sách nhà nước.

9. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng

chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết), sau khi dành 70% số tăng thu thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại cần ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khả năng thực hiện đạt được dự toán thu mới phân bổ để chi cho đầu tư và những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định theo chế độ quy định.

10. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương giao kế hoạch vốn đầu tư chi tiết cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

11. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

12. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2021, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

Đối với một số cơ sở giáo dục đại học công lập được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục cho thực hiện cơ chế thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động quy định tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định tại quyết định của cấp có thẩm quyền.

13. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán hướng dẫn tại Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương còn phải thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện tiền lương, trợ cấp trong năm 2021

1. Các bộ, cơ quan trung ương trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được giao, thực hiện phân bổ dự toán đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo các đơn vị được cân đối đủ nguồn thực hiện mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, ngân sách trung ương không bổ sung ngoài dự toán cho các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện nhiệm vụ này. Đồng thời, khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2021 tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2021 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao.

3. Ủy ban nhân dân các cấp khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc không bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên nêu tại khoản 2 Điều này

(không kể các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định) để thực hiện tiền lương trong năm 2021.

4. Nguồn thực hiện tiền lương năm 2021 của các địa phương bao gồm:

a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2020 thực hiện so với dự toán, (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) được Thủ tướng Chính phủ giao;

b) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017 được Thủ tướng Chính phủ giao;

c) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ giao;

d) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) dự toán năm 2020 so với dự toán năm 2019 được Thủ tướng Chính phủ giao;

đ) 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) dự toán năm 2021 so với dự toán năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao;

e) 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 chưa sử dụng hết chuyển sang;

h) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2017 đã được cấp có thẩm quyền giao;

i) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2021 so dự toán năm 2017 theo Quyết định giao dự toán năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

k) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2021. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

5. Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương không cân đối được nguồn theo chế độ quy định để thực hiện các chính sách về tiền lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng.

Sau khi cân đối nguồn để thực hiện cải cách tiền lương nêu tại khoản 4 Điều này, các địa phương chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện các chính sách, chế độ an sinh xã hội do trung ương ban hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương để đảm bảo nguồn thực hiện các chính sách

về tiền lương, an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo nguyên tắc hỗ trợ của giai đoạn 2017 - 2020.

Các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương, trường hợp xác định bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành cho cả lộ trình đến năm 2025, không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ, thì được phép trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn làm lương còn dư này để đầu tư các dự án đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

Điều 5. Thời gian phân bổ, giao dự toán

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đến từng đơn vị sử dụng ngân sách; Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đảm bảo thời gian giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy trình, yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

Tổ chức việc công khai dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách địa phương về Bộ Tài chính chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách; báo cáo dư nợ vốn huy động đến 31 tháng 12 năm 2020 và phương án vay, trả nợ năm 2021 của ngân sách địa phương về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm 2021; báo cáo thu, chi và số dư Quỹ dự trữ tài chính theo quy định riêng của Bộ Tài chính.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao, đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương và các cấp ngân sách địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn

vị sử dụng ngân sách trực thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật ngân sách nhà nước, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, trường hợp các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cùng cấp cho phép thực hiện, căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và tình hình thực tế ở địa phương thực hiện một trong hai phương án như sau:

a) Sau khi Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, trong quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban

nhân dân cùng cấp để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

4. Việc nhập dự toán vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

Chương II
TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật ngân sách nhà nước. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực thi hành; tập trung đôn đốc thu hồi vào ngân sách nhà nước năm 2021 khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế có năm tài chính khác năm dương lịch đã được gia hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;

b) Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; cải cách, hiện đại hóa hệ thống cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt việc xử lý nợ thuế theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý.

3. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường quản lý thu, mở rộng cơ sở thuế, cải cách, hiện đại hóa ngành thuế. Đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,....

Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, điều hành hoàn thuế giá trị gia tăng trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2021; đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước.

Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối

tượng đang được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

5. Các địa phương không hạch toán các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước. Khẩn trương thực hiện việc khoán chi phí hoạt động hoặc xác định khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu. Chỉ thực hiện nộp ngân sách đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 6084/BTC-NSNN ngày 25 tháng 5 năm 2018.

6. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất để làm cơ sở hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Trong đó lưu ý:

1. Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi:

a) Đối với vốn cấp phát từ ngân sách trung ương: Trường hợp trong năm có nhu cầu giải ngân vượt dự toán giao, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển) và Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong phạm vi tổng mức vay và bội chi ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định;

b) Đối với vốn Chính phủ vay về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại, thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách của địa phương đã được Quốc hội quyết định.

Trong tổ chức thực hiện dự toán, trường hợp địa phương phát sinh nhu cầu vay vượt dự toán, địa phương báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định trong phạm vi tổng mức vay của ngân sách nhà nước, tổng mức bội chi ngân sách các địa phương và bội chi ngân sách nhà nước.

2. Đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại:

a) Căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao chi tiết theo danh mục và mức vốn cụ thể cho từng chương trình, dự án trong tổng mức được giao theo các quyết định tiếp nhận và văn kiện viện trợ đã ký kết;

b) Trong tổ chức thực hiện phát sinh nhu cầu chi (đầu tư phát triển, thường xuyên) vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao hoặc phát sinh khoản viện trợ mới cho chi thường xuyên: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với các chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển) và Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối

với các khoản chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ trực tiếp ngân sách nhà nước, hỗ trợ vốn cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên, hỗ trợ phi dự án) chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan, căn cứ vào các thỏa thuận viện trợ đã ký giữa Nhà nước, Chính phủ và các cơ quan nhà nước Việt Nam với các nhà tài trợ, báo cáo Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán năm 2021 từ nguồn vốn viện trợ này. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện.

3. Trường hợp trong năm phát sinh khoản vay, viện trợ mới cho chi đầu tư phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án, công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chống biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2021 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

6. Dự toán chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia năm 2021 Bộ Tài chính giao cho các bộ, cơ quan trung ương, thông báo rõ các khoản chi bằng ngoại tệ. Đối với kinh phí tương đương từ 500.000 USD/năm trở lên thì được đảm bảo chi bằng ngoại tệ theo dự toán đã giao và phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Quá trình thực hiện Kho bạc Nhà nước kiểm soát theo dự toán chi bằng nội tệ đã giao cho đơn vị. Trường hợp do biến động tăng tỷ giá dẫn đến dự toán chi bằng nội tệ đã hết nhưng dự toán chi bằng ngoại tệ vẫn còn hoặc do biến động giảm tỷ giá dẫn đến dự toán chi bằng ngoại tệ đã hết nhưng vẫn còn dự toán chi bằng nội tệ, các bộ, cơ quan trung ương có văn bản đề nghị Bộ Tài chính xem xét xử lý dự toán chi bằng

nội tệ tương ứng phần chênh lệch. Đối với số kinh phí tương đương nhỏ hơn 500.000 USD/năm, thì các bộ, cơ quan trung ương được rút dự toán bằng ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm giao dịch, nhưng không vượt quá dự toán giao bằng nội tệ.

7. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu có nhu cầu chi các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật ngân sách nhà nước.

8. Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các địa phương cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

9. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2021, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

Căn cứ kết quả thực hiện từng chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành, các địa phương tổng hợp toàn bộ nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện các chính sách (bao gồm hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Luật Thủy lợi) và bố trí nguồn thực hiện như sau:

a) Nhu cầu kinh phí tăng thêm, ngân sách trung ương phải bổ sung năm 2021, gồm:

- Đối với những chính sách an sinh xã hội đã được quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tại từng văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành: Tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm, trong đó xác định rõ phần ngân sách trung ương phải bổ sung cho ngân sách địa phương đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương của từng chính sách.

- Đối với các chính sách an sinh xã hội còn lại: Tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm, trong đó xác định rõ phần ngân sách trung ương phải bổ sung cho ngân sách địa phương đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách

trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020;

b) Trường hợp các địa phương có nguồn cải cách tiền lương còn dư (sau khi đã đảm bảo thực hiện chính sách, chế độ tiền lương trong năm) thực hiện giảm trừ tương ứng phần kinh phí ngân sách trung ương phải hỗ trợ nêu tại điểm a khoản này;

c) Ngân sách trung ương bổ sung phần chênh lệch thiếu cho từng địa phương sau khi đã cân đối nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại điểm a, b khoản này;

d) Các địa phương chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (nếu có) và nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo theo quy định để thực hiện các chính sách tiền lương, an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo nguyên tắc hỗ trợ của giai đoạn 2017 - 2020, đảm bảo phân bổ đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng. Kết thúc năm, thực hiện quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách tiền lương, an sinh xã hội do Trung ương ban hành (trong đó chi tiết kết quả thực hiện đối với từng chính sách, chế độ an sinh xã hội) theo đúng chế độ quy định, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, xử lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 129/2020/QH14 của Quốc hội.

10. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021. Đối với các địa phương, phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập, được sử dụng theo nguyên tắc:

a) 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương theo quy định;

b) 50% còn lại để ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung do địa phương quyết định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

Kết thúc năm, chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 năm 2022, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện phần ngân sách nhà nước giảm chi theo các phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05 và 06 đính kèm Thông tư này.

11. Các địa phương tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội, phần còn lại (nếu có) tổng hợp nguồn để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 8292/BTC-NSNN ngày 12 tháng 7 năm 2018.

12. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Điều 8. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách:

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán ngân sách để chi theo chế độ quy định và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ

ngân sách nhà nước. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương theo quy định tại Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật;

c) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; đảm bảo việc chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2021, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

a) Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

b) Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

3. Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

4. Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

a) Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách được thực hiện như sau:

- Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Trường hợp số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật, các địa phương kịp thời hoàn trả ngân sách trung ương theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi địa phương xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau thời hạn trên, địa phương chưa hoàn trả ngân sách trung ương, Bộ Tài chính sẽ thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi theo quy định.

5. Đối với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương:

a) Mức rút số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

b) Mức rút số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm): Được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

c) Hạch toán các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

6. Việc rà soát, đối chiếu số liệu rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách theo phụ lục số 07 đính kèm Thông tư này. Trường hợp địa phương không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng và đầy đủ theo quy định, Bộ Tài chính sẽ tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cho địa phương cho đến khi địa phương có báo cáo đầy đủ.

7. Về chi trả nợ của ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành

việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại.

3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên, kinh phí chi bằng nội tệ sang chi bằng ngoại tệ, điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán của nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, đơn vị cần phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao trước khi ban hành quyết định điều chỉnh dự toán. Thời hạn đơn vị gửi cơ quan tài chính đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 30 tháng 10 năm hiện hành.

4. Trường hợp điều chỉnh dự toán giữa các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

5. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống Tabmis theo quy định.

6. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

7. Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước. Việc xử lý kết dư ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 10. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Điều 11. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 9 Điều 7 Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 12. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện công khai ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của

Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tại chuyên mục "Công khai ngân sách" đảm bảo đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai theo quy định. Về chế độ báo cáo, Sở Tài chính thực hiện báo cáo điện tử trên hệ thống Cổng Công khai ngân sách của Bộ Tài chính (http://ckns.mof.gov.vn) đối với các nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Thông tư số 343/2016/TT-BTC và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 6667/BTC-NSNN ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

6. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và áp dụng đối với năm ngân sách 2021.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Thông tư này để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc và chính quyền địa phương cấp dưới tổ chức thực hiện. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

UBND tỉnh, thành phố……. **Phụ lục số 01**

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NSNN BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tổng số (1+2)				1. Khối hành chính, Đảng, đoàn thể, xã, phường				Trong đó:																2. Khối đơn vị sự nghiệp công lập				Chi tiết: (*)							
									Quản lý nhà nước				Khối Đảng				Đoàn thể				Khối xã, phường								Lĩnh vực giáo dục - Đào tạo		Lĩnh vực y tế		Lĩnh vực khoa học công nghệ		Lĩnh vực ….	
	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN bố trí thực hiện TGBC	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36

Ghi chú: (*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

UBND tỉnh, thành phố…….

Phụ lục số 02

SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY VÀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ KHỐI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 18-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tổng kinh phí giảm	1. Khối hành chính, Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi	Gồm:		
		Số lượng đơn vị tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC so với năm trước	Số lượng biên chế tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do giảm biên chế so với năm trước		Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
A	*1=3+5*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6 = 7+8+9*	*7*	*8*	*9*

Ghi chú: (Cột 3) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp đơn vị hành chính.

(Cột 5) Gồm: (i) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp x thời gian thực tế tinh giản); (ii) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm x với định mức hoạt động/biên chế x thời gian thực tế tinh giản).

UBND tỉnh, thành phố……. **Phụ lục số 03**

SỐ LIỆU VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH, TĂNG NGUỒN THU SỰ NGHIỆP, GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ NÂNG MỨC ĐỘ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 19-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập	Giảm chi do tinh giản biến chế và nâng mức độ tự chủ			*Trong đó theo các lĩnh vực (*):*												Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	*Gồm:*		
					1. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo			2. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			3. Lĩnh vực Y tế			4. Lĩnh vực…				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)				
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=17+18+19*	*17*	*18*	*19*
1	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																			
2	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			

A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=17+18+19*	*17*	*18*	*19*
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên																			
4	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			

Ghi chú: Số giảm chi NSNN cấp so với năm trước = Kinh phí NSNN cấp năm hiện hành trừ đi (-) Kinh phí NSNN cấp năm trước -Kinh phí tăng lương cơ sở (nếu có)

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý
(cấp tỉnh và cấp huyện)

UBND tỉnh, thành phố…… **Phụ lục số 04**

SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Lĩnh vực sự nghiệp công lập (*)	Giảm chi do thay đổi sắp xếp bộ máy			*Trong đó:*									Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	*Gồm:*		
					Số đơn vị sáp nhập			Số đơn vị giải thể			Số đơn vị chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Tổng số đơn vị thay đổi sắp xếp bộ máy	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)				
A	*B*	*1=4+7+10*	*2=5+8+11*	*3=6+9+12*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16*	*14*	*15*	*16*
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																
3	Lĩnh vực y tế																
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																

A	*B*	*1=4+7+10*	*2=5+8+11*	*3=6+9+12*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16*	*14*	*15*	*16*
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và DL																
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																

Ghi chú: (1) Đối với ĐVSNCL sáp nhập: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCL sau khi sáp nhập trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho các ĐVSNCL trước khi sáp nhập

(2) Đối với ĐVSNCL chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCL trước khi chuyển đổi mô hình trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho công ty sau khi chuyển đổi.

(3) Đối với ĐVSNCL giải thể: Số giảm chi NSNN = số kinh phí NSNN đã cấp trước khi giải thể

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

UBND tỉnh, thành phố…… Phụ lục số 05

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị									Biên chế (người)			Kinh phí											Kết quả về thu nhập tăng thêm											
	Cơ quan cấp xã			Cơ quan cấp huyện			Cơ quan cấp tỉnh			Được giao	Có mặt	CL (biên chế được giao-bc có mặt)	Tổng kinh phí QLHC năm 2018	Kinh phí tự chủ				Kinh phí không tự chủ	Số đv TK KP trên tổng số đơn vị tự chủ	Chi kinh phí tiết kiệm				Số đơn vị có hệ số thu nhập						Cấp tỉnh, TP			Cấp quận, huyện		
	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Số xã được giao thực hiện tự chủ	Số lượng xã	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ	Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Số đơn vị giao tự chủ	Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh					Kinh phí được giao	Kinh phí thực hiện	Số KP tiết kiệm	% tiết kiệm so với KP được giao tự chủ			Tổng số	Chi thu nhập tăng thêm	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập	Không chỉ TNTT	Dưới 0,1 lần	Từ 0,1 đến dưới 0,2 lần	Từ 0,2 đến dưới 0,3 lần	Từ 0,3 đến dưới 0,4 lần	Từ 0,4 lần trở lên	Mức TNTT bình quân/ tháng	Mức TNTT cao nhất	Mức TN TT thấp nhất	Mức TNTT bình quân/ tháng	Mức TNTT cao nhất	Mức TN TT thấp nhất
	9	8	7	6	5	4	3	2	1	10	11	12=10-11	13=14+18	14	15	16= 14-15	17= 16/14	18	19	20= 21+22+23	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
…..																																			

UBND tỉnh, thành phố…… **Phụ lục số 06**

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/BTC-NSNN ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Lĩnh vực sự nghiệp (*)	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó	Số lượng lao động			Nguồn tài chính (triệu đồng)								Huy động vốn (triệu đồng)					Tổng kinh phí chi trả Thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Trích lập các Quỹ (triệu đồng)				
			Số lượng ĐVSN được giao tự chủ theo NĐ 43	Tổng số người lao động	Trong đó số biên chế được giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng)	Tổng cộng	Tổng số	Nguồn thu sự nghiệp		Nguồn NSNN cấp chi hoạt động sự nghiệp				Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn liên kết với các đơn vị khác		Tổng cộng	Quỹ phát triển sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)
									Nguồn thu phí, lệ phí	Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp khác	Tổng số	Chi thường xuyên		Chi không thường xuyên											
												Tổng	*Trong đó: Chi lương*												
A	B	1	1a	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13=14+15+16+17	14	15	16	17	18	19=20+21+22+23	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																								
I	**Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								

A	B	1	1a	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13=14+15+16+17	14	15	16	17	18	19=20+21+22+23	20	21	22	23
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
II	**Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								

A	B	1	1a	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13=14+15+16+17	14	15	16	17	18	19=20+21+22+23	20	21	22	23
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
…	Lĩnh vực …																								
IV	**Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên**																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
…	Lĩnh vực …																								

*** Lưu ý:** (*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

PHỤ LỤC SỐ 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ RÚT DỰ TOÁN BỔ SUNG TỪ NSTW CHO NSĐP QUÝ…... NĂM 2021 TỈNH (TP)……..
(ĐẾN NGÀY / /2021)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị : Triệu đồng

STT		Nội dung	DT giao đầu năm (hoặc số thông báo rút dự toán)	Số đã rút dự toán tại KBNN quý	Số rút lũy kế…. tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/dự toán được giao	Công văn của Bộ Tài chính
A		B	1	2	3	4=1-2	5 = 3/1	6
		TỔNG SỐ: (I+II)						
I		**BỔ SUNG CÂN ĐỐI**						
II		**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU: (A+B)**						
A		**Bổ sung có mục tiêu (dự toán giao đầu năm)**						
		- Bổ sung có mục tiêu được rút tại KBNN						
		- Bổ sung có mục tiêu thực hiện GTGC vốn ngoài nước						
B		**Bổ sung có mục tiêu (bổ sung trong năm): (a+b)**						
a		**Bổ sung vốn đầu tư**						
b		**Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước**						
1		*Kinh phí thực hiện nhiệm vụ A*						
2		*Kinh phí thực hiện nhiệm vụ B*						
3		….						

……..Ngày….. tháng… năm……
GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký tên, đóng dấu)

……..Ngày….. tháng… năm……
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng